

BẢNG TỔNG HỢP
TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Báo cáo số 60 /BC- BDT, ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Ban Dân tộc)

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ban Dân tộc đã gửi lấy ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (Công văn số 340/BDT-CSĐT ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Ban Dân tộc) về dự thảo hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (tại Báo cáo số 137/BC-STP ngày 10 tháng 5 năm 2022), Ban Dân tộc tiếp thu, giải trình như sau:

STT	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình của Ban Dân tộc
	Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (tại Báo cáo số 137/BC-STP ngày 10 tháng 5 năm 2022)	
1	2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng Về cơ bản, Sở Tư pháp nhận thấy phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết và Quy định dự kiến ban hành kèm theo đã bao quát, đầy đủ, phù hợp với các nội dung có trong dự thảo Nghị quyết và quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, loại bỏ quy định: “là căn cứ để lập kế hoạch trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình cho các cấp, các ngành và đơn vị sử dụng	Ban Dân tộc tiếp thu, bổ sung. Đồng thời rà soát, biên tập lại Điều 1, Chương I dự thảo quy định như sau: “ <i>Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum (sau đây gọi tắt là Chương trình)</i> ”

	<p>vốn ngân sách nhà nước” tại Điều 1 dự thảo Quy định. Lý do: Quy định nêu trên không phải là phạm vi điều chỉnh của dự thảo⁽¹⁾. Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 2 dự thảo Quy định đề nghị biên tập lại như sau cho chính xác, đầy đủ: “Các sở, ban, ngành... để thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Kon Tum”.</p>	<p>Rà soát, biên tập lại tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Quy định “Các sở, ban, ngành và các đơn vị thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn; các đơn vị khác sử dụng vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 để thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Kon Tum (sau đây gọi tắt là các sở, ban, ngành và địa phương)”.</p>
2	<p>Do Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ không được ban hành dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật nên đề nghị biên tập lại căn cứ pháp lý thứ 8 như sau: “Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025”.</p>	<p>Ban Dân tộc đã tiếp thu, điều chỉnh.</p>
3	<p>Đối với dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo</p> <p>Đề nghị xem xét lại phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 và biên tập lại khoản 1 Điều 2 với lý do đã được trình bày tại mục 2 của Báo cáo này.</p>	<p>Ban Dân tộc đã tiếp thu, điều chỉnh theo nội dung của phần 1 như trên.</p>
4	<p>Tiêu đề của Điều 5 dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết là “Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương”, cơ quan thẩm định nhận thấy giữa tiêu đề của Điều 5 và các nội dung trong điều chưa phù hợp. Vì vậy, đề nghị biên tập lại tiêu đề của</p>	<p>Nội dung này Ban Dân tộc báo cáo giải trình như sau:</p> <p>Tại điều 5, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn</p>

¹ Nội dung này đề nghị cơ quan soạn thảo nêu tại Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân tỉnh.

	<p>Điều 5 dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết như sau: "<i>Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách địa phương</i>".</p>	<p>ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 quy định tên tiêu đề "<i>Điều 5. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách <u>trung ương</u></i>". Theo đó toàn bộ nội dung và công thức tính toán, xác định phân bổ nguồn vốn ngân sách <u>trung ương</u> (<i>Vốn đầu tư và vốn sự nghiệp</i>) cho các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện Chương trình quy định chi tiết tại 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này được quy định tại điều 6 Dự thảo quy định ban hành kèm theo Nghị quyết các nội dung được lấy trong điều 5, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ. Do vậy tiêu đề của Điều 5 dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết là "<i>Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách <u>trung ương</u></i>" là phù hợp.</p>
5	<p>Tại Điều 6 dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo dự kiến tham mưu quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tuy nhiên, điểm a khoản 5 Điều 7 Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg chỉ giao Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại</p>	<p>Nội dung này Ban Dân tộc báo cáo giải trình như sau: Tại tiết b, khoản 1, Điều 6 Quyết định 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định "<i>Các địa phương bố trí đủ vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt</i>". Tại tiết b, khoản 2, Điều 6 Quyết định 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định "... <i>Các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 50% đến dưới 70%: Hằng năm ngân sách</i></p>

việc dự kiến tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

địa phương bố trí đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương”.

Tại tiết a khoản 5, Điều 7 Quyết định 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định “*Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương được quy định tại Quyết định này, đặc điểm tình hình thực tế của địa phương, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương, trình Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định”.*

Tại khoản 1, điều 36 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia quy định “*Trách nhiệm của Chủ Chương trình. 1. Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương theo từng hoạt động của Chương trình mục tiêu quốc gia; tỷ lệ đối ứng từ ngân sách địa phương tham gia thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia”*; tại tiết a, khoản 1, điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định “*Mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương”.*

Ngoài ra tại các Văn bản của Sở Tài chính (Văn bản số 670/STC-QLNS ngày 23 tháng 02 năm 2022) tham gia ý

		<p>kiến như sau “Trên cơ sở định hướng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh nêu trên; Sở Tài chính tham gia góp ý nội dung tại Điều 6 như sau:</p> <p>(i) Thống nhất hàng năm, ngân sách địa phương đối ứng bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương.</p> <p>(ii) Cơ chế ngân sách địa phương bố trí vốn đối ứng như sau: Ngân sách tỉnh bố trí vốn đối ứng bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ cho dự án, tiểu dự án do cấp tỉnh thực hiện. Ngân sách cấp huyện bố trí vốn đối ứng bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ cho dự án, tiểu dự án do cấp huyện, thành phố thực hiện”.</p> <p>Theo đó, tại Điều 6 dự thảo Quy định, Sở Tài chính tham gia như sau:</p> <p>“1. Quy định chung</p> <p>a) Hàng năm, ngân sách địa phương đối ứng bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương.</p> <p>b) Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, xã đảm bảo bố trí đủ vốn đối ứng cho từng dự án, tiểu dự án theo quy định tại điểm a nêu trên để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; và thực hiện phân bổ vốn đối ứng theo đúng nguyên tắc, tiêu chí tại Quy định này.</p> <p>2. Quy định cụ thể.</p> <p>- Ngân sách tỉnh bố trí vốn đối ứng bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ cho các dự án, tiểu dự án được cấp thẩm quyền phân bổ, giao các đơn vị cấp tỉnh thực</p>
--	--	---

		<p>hiện.</p> <p>- Ngân sách cấp huyện bố trí vốn đối ứng bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ cho các dự án, tiểu dự án được cấp thẩm quyền phân bổ, giao cấp huyện, thành phố thực hiện.”</p> <p>Nội dung này được Sở Kế hoạch và Đầu tư thống nhất tại Công văn số 799/SKHĐT-VX ngày 29/3/2022, cụ thể: “Ngân sách cấp huyện bố trí đối ứng bằng 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ cho các dự án, tiểu dự án được cấp thẩm quyền phân bổ, giao cấp huyện, thành phố thực hiện (nhằm đảm bảo khả năng ngân sách tỉnh hỗ trợ đối với 10 huyện, thành phố theo quy định về tỷ lệ đối ứng của Trung ương”.</p> <p>Do vậy, Tại Điều 6 dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo dự kiến tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là phù hợp với các quy định trên và ý kiến tham gia của các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư.</p>
6	<p>Đối với tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước cụ thể tại các Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg và các văn bản pháp luật có liên quan; đặc điểm tình hình thực tế của địa phương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị,</p>	<p>Ban Dân tộc tiếp thu và sẽ lưu ý trong quá trình chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định</p>

	<p>địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (<i>Sở Tư pháp không thẩm định đối với các tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước cụ thể</i>).</p>	
7	<p>4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản</p> <p>Về cơ bản, Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết đã được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Chương V, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (<i>sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ</i>) và Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo sử dụng chữ cái tiếng Việt (a, b) để đánh thứ tự các khoản trong điểm</p>	<p>Ban Dân tộc đã tiếp thu, điều chỉnh.</p>
8	<p>6. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh</p> <p>Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại một số nội dung và thực hiện các đề nghị khác được nêu trong Báo cáo này. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (<i>đã</i></p>	<p>Ban Dân tộc tiếp thu ý kiến tham gia</p>

được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020).

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận Báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết hoặc giải trình (trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định). Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020).